

Bản án số: 503/2022/HC-PT  
Ngày: 14-7-2022  
V/v khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Khoa

*Các Thẩm phán:*

Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Hồng Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 139/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1015/2022/QĐPT-HC ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Bùi Văn Th, sinh năm 1963 (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của ông Bùi Văn Th:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962; Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp Ch, xã Ph, huyện T, tỉnh C; Cùng địa chỉ tạm trú: 29/8 tổ 9, khu phố 8, phường T, thành phố C, tỉnh Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 30/10/2020, có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Trịnh Thanh L, là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trịnh Thanh L; Địa chỉ: 09 Đường Th, phường D, thành phố C (có mặt).

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện T; Địa chỉ trụ sở: Ấp Nh, xã Kh, huyện T, tỉnh C.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Võ Trường G, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (xin vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Văn Ch, Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (vắng mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1951.

2. Bà Lê Thị A, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp Ch, xã Ph, huyện T, tỉnh C (cùng có đơn xin vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962 (có căn cước nêu trên, có mặt).

*- Người kháng cáo:* Ông Bùi Văn Th là người khởi kiện.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2020 cùng các văn bản kèm theo người khởi kiện ông Bùi Văn Th trình bày:

Nguồn gốc phần đất bị UBND huyện T, tỉnh C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do Nhà nước giao năm 1988. Phần đất này trước đây là của ông Lê Phương N hiến tặng cho Nhà nước để trang trải cho những người không có đất sử dụng. Khi được Nhà nước giao đất, vợ chồng ông (vợ là bà Nguyễn Thị S) trực tiếp quản lý, canh tác. Đến năm 1989 thì ông Lê Văn Q lấn chiếm dần dần tranh chấp. Ông có yêu cầu và được UBND huyện C (nay là huyện T) giải quyết bằng Quyết định số 16/QĐ-UB ngày 19/5/1993 để giữ nguyên hiện trạng diện tích 24.580m<sup>2</sup> đất sản xuất cho ông tiếp tục sản xuất. Nhưng ông Lê Văn Q chỉ trả lại cho ông diện tích 12.832m<sup>2</sup>, còn lại 11.748m<sup>2</sup> vẫn chiếm giữ không trả. Đến năm 1994 ông được UBND huyện C (nay là T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O749000 với diện tích 24.580m<sup>2</sup> và cấp lại vào ngày 06/8/2001 số T354243 cũng với diện tích 24.580m<sup>2</sup> (cấp lại do thất lạc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), phần đất tọa lạc tại ấp Ch, xã T, huyện C, tỉnh C (nay là Ấp Ch, xã Ph, huyện T, tỉnh C) thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 1B. Ngày 24/3/1995 Ủy ban nhân dân huyện C (nay là huyện T) ban hành Quyết định số 114/QĐ-UBND về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn Q, số tiền 200.000 đồng do không chấp hành Quyết định số: 16/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân. Ngày 13/4/2011 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T có Công văn số 60/CV-TN&MT kiến nghị UBND huyện chỉ đạo lập biên bản hiện trạng phần đất, thẩm định tài sản trên đất, lập biên bản ấn định thời gian cho ông Q di dời, tháo dỡ tài sản có trên đất để trả lại phần đất đã lấn chiếm của ông nhưng UBND T không thống nhất và để vụ việc kéo dài. Sau đó UBND huyện T ban hành Thông báo số 133/TB-UBND ngày 17/8/2020 và Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 cùng nội dung là thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 354243 do Ủy ban nhân dân huyện C (nay là huyện T) ký cấp cho ông vào ngày 06/8/2001. Lý do thu hồi đất dựa vào quá trình quản lý, sử dụng đất của ông là không đúng với thực tế do phần đất bị ông Q chiếm, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông. Nên ông khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 2826/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND huyện T, tỉnh C.

Bà Nguyễn Thị S thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông Bùi Văn Th.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ông Nguyễn Văn Ch trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Lê Văn M (cha của ông Lê Văn Q) nhận chuyển nhượng của người khác diện tích khoảng 250 công. Sau năm 1975, ông M cho lại con là ông Q. Trong khoảng thời gian từ năm 1977 đến năm 1988, Nhà nước thực hiện trang trải đất đai cho rất nhiều hộ dân, nhưng canh tác không hiệu quả nên nhiều hộ bỏ đi. Sau đó, Nhà nước đã lấy phần đất của ông Q trang trải cho hộ ông Th, bà S lần đầu là 24.580m<sup>2</sup>. Năm 1990 phát sinh tranh chấp giữa ông Th với ông Q và UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-UB ngày 19/5/1993 để giữ nguyên hiện trạng diện tích 24.580m<sup>2</sup> đất sản xuất cho ông Th. Nhưng sau khi xem xét lại theo định mức thì mỗi khẩu 3.000m<sup>2</sup>, khi đó gia đình ông Th, bà S có 4 khẩu (thực tế khi đó hộ khẩu có 05 khẩu, trong đó có 01 khẩu sinh năm 1986) nên tổng diện tích trang trải cho hộ ông Th, bà S là 12.000m<sup>2</sup>. Phần đất dôi ra ông Q lấy lại bán cho ông Bùi Văn Giới và ông Giới phải trả cho ông Q 150 gia lúa. Ông Giới đã chuyển nhượng lại toàn bộ phần đất này cho con là Bùi Văn T, Lê Thị A. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Th, bà S không quản lý, canh tác toàn bộ phần đất 24.580m<sup>2</sup> mà trong phần đất này ông Q quản lý, canh tác 1.322,2m<sup>2</sup>, bà A quản lý, sử dụng 12.832,6m<sup>2</sup>, nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ diện tích 24.580m<sup>2</sup> cho ông Th, bà S là không đúng quy định. Nhưng do ông Th, bà S không giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 354243 diện tích 24.580m<sup>2</sup> để UBND huyện T điều chỉnh cấp quyền sử dụng đúng với diện tích thực tế mà ông Th, bà S đang quản lý, nên UBND huyện T ban hành Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 để điều chỉnh cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng quy định của pháp luật. Đồng thời ông Th, bà S có quyền yêu cầu UBND huyện T tiếp tục thi hành Quyết định số 16/QĐ-UB ngày 19/5/1993. Vì vậy, UBND huyện T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, giữ nguyên Quyết định số: 2826/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND huyện T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh C đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 36 Luật Đất đai 1993;

Áp dụng các khoản 1, 2, 5 Điều 98, các điểm a, d khoản 1 Điều 99, Điều 100, Điều 105, Điều 106 Luật Đất đai 2013;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Th về việc hủy Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T.

[2] Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Bùi Văn Th phải chịu 300.000 đồng. Ngày 10/12/2020 ông Th có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000343 của Cục thi hành án dân sự tỉnh C được chuyển thu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/3/2022, ông Bùi Văn Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị S là người đại diện hợp pháp của ông Bùi Văn Th và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến.

Trong phần tranh luận, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th trình bày như sau: Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND huyện T là không có giá trị pháp lý. Bởi vì tại thời điểm ban hành thì Quyết định số 16/QĐ.UB ngày 19/5/1993 của UBND huyện C vẫn còn hiệu lực pháp luật. Mặt khác, Quyết định số 2826/QĐ-UBND vi phạm dẫn lý do thu hồi được quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 là không đúng, vì nghị định này hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 1993, trong khi Quyết định 16/QĐ.UB căn cứ theo Luật Đất đai năm 1988. UBND huyện T chưa thực hiện Quyết định 16/QĐ.UB nhưng cho rằng ông Th bỏ đất hoang là không có căn cứ, vì trên thực tế thì đất bị ông Q, bà A lấn chiếm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Th, huỷ Quyết định số 2826/QĐ-UBND.

Bà S đồng ý với đề nghị của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Bùi Văn Th làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Toàn bộ diện tích 24.580m<sup>2</sup> được Nhà nước giao cho hộ ông Th sử dụng từ năm 1988. Do ông Q lấn chiếm nên UBND huyện C ban hành Quyết định số 16/QĐ.UB giữ nguyên hiện trạng diện tích đất nêu trên cho ông Th. Do ông Q không thực hiện đầy đủ Quyết định số 16/QĐ.UB nên ngày 24/3/1995 UBND huyện C ban hành Quyết định số 114/QĐ-UBND xử phạt ông Q 200.000 đồng. Ông Th đã 02 lần được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhận thấy việc tranh chấp đã được giải quyết bằng quyết định đã có hiệu lực pháp luật, ông Th không canh tác đất là do bị ông Q và bà A lấn chiếm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Th, huỷ Quyết định số 2826/QĐ-UBND.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Bùi Văn Th làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: Ngày 03/11/2020, ông Bùi Văn Th nộp đơn khởi kiện Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND huyện T, về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông (sau đây viết tắt là Quyết định số 2826/QĐ-UBND). Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Tòa án nhân dân tỉnh C thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng khởi kiện và còn trong thời hạn khởi kiện được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 34, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về nội dung kháng cáo: Xét Quyết định 2826/QĐ-UBND, nhận thấy:

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T354243 do UBND huyện C cấp cho ông Th ngày 06/8/2001. UBND huyện T được tách ra từ huyện C, là đơn vị kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của UBND huyện C theo quy định tại khoản 4 Điều 59 Luật Tổ tụng hành chính. Do đó, việc UBND huyện T ban hành Quyết định số 2826/QĐ-UBND là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013.

[3.2] Về nội dung:

Phần đất có diện tích 24.580m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 0108, tờ bản đồ số 1B được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Th số T354243 ngày 06/8/2001. Phần đất này có nguồn gốc do Nhà nước giao cho hộ ông Th sử dụng từ năm 1988. Trong quá trình sử dụng, do ông Lê Văn Q, bà Lê Thị A lấn chiếm, trên cơ sở khiếu nại của ông Th, ngày 19/5/1993 UBND huyện C ban hành Quyết định số 16/QĐ.UB có nội dung giữ nguyên hiện trạng diện tích đất nêu trên cho ông Th. Do ông Q không thực hiện Quyết định số 16/QĐ.UB nên ngày 24/3/1995 UBND huyện C ban hành Quyết định số 114/QĐ-UBND xử phạt ông Q 200.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Quyết định số 16/QĐ.UB vẫn đang có hiệu lực pháp luật và chưa bị bất kỳ quyết định hành chính hay bản án có hiệu lực pháp luật nào thu hồi, hủy bỏ.

Ông Th rất nhiều lần khiếu nại nhưng UBND huyện C trước đây và UBND huyện T hiện nay đã thiếu trách nhiệm, thiếu cương quyết tổ chức thi hành Quyết định số 16/QĐ.UB, dẫn đến sự việc khiếu nại kéo dài và ông Q, bà A vẫn tiếp tục lấn chiếm đất của ông Th. Do đó, Quyết định số 2826/QĐ-UBND viện dẫn lý do ông Th không sử dụng đất và thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho ông Th là trái pháp luật, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của hộ ông Th.

Mặt khác, trên thực tế sau khi lấn chiếm đất của ông Th, ông Q và bà A đã chuyển nhượng cho người khác. Điều này chứng tỏ ông Q, bà A không có nhu cầu sử dụng đất và việc lấn chiếm đất của 02 ông bà này là nhằm mục đích bán cho người khác.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của ông Th, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính sơ thẩm:

UBND huyện T phải nộp 300.000 đồng.

Trả cho ông Bùi Văn Th 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000343 ngày 10/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Trả cho ông Bùi Văn Th 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000027 ngày 17/03/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn Th. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh C.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng các khoản 1, 2, 5 Điều 98, các điểm a, d khoản 1 Điều 99, Điều 100, Điều 105, Điều 106 Luật Đất đai 2013;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Th. Hủy Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh C, về việc thu hồi Giấy chứng quyền sử dụng đất số T354243 do UBND huyện C cấp cho ông Bùi Văn Th ngày 06/8/2001.

[2] Án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Trả cho ông Bùi Văn Th 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000343 ngày 10/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Trả cho ông Bùi Văn Th 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000027 ngày 17/03/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- Cục THADS tỉnh C;
- Đường sự;
- Lưu (3),17b (Án HQ).

**Võ Văn Khoa**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Ngọc Thu Hương**

**Phạm Văn Công**

**Võ Văn Khoa**